| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 1238/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16-12-2021
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán* – Chủ tọa phiên tòa: Hoàng Thị Bích Duyên

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Phạm Văn Thanh

2. Bà Lê Thị Nhanh

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Đào Thị Xuân Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/10/2020 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3866/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11458/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự;

- *Nguyên đơn:* Bà PPP, sinh năm 1983(Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 199 Khu tập thể PC 25, Hòa Hưng, Phường L, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn:* Ông LLL, sinh năm 1980(Vắng mặt).

Quốc tịch: Hoa Kỳ

Địa chỉ: 1041 Kingshigh Way St Rolla Mo 65401, Hoa Kỳ

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 28/8/2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà PPP trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông LLL kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 357, Quyển số 02, ngày 28/01/2010. Sau khi kết hôn hai

người chung sống với nhau được một thời gian ngắn, do điều kiện công việc nên ông LLL trở về Hoa Kỳ tiếp tục làm việc, còn bà sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Suốt thời gian sau khi ông L trở về Hoa Kỳ, hai người không có điều kiện gặp nhau, mà chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại, bản thân ông LLL cũng không trở lại Việt Nam thăm hỏi bà. Từ đó tình cảm giữa bà và ông LLL phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, nay hai người không còn liên lạc với nhau. Bà xác nhận hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông LLL

Về con chung có một con chung LGH, sinh ngày 12/10/2010, ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, bà không yêu cầu ông LLL cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Vì bận việc, bà  yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Bị đơn là ông LLL, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo ngày giờ và địa điểm mở phiên họp hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu ông LLL có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo hồ sơ ủy thác tư pháp số 995/TTTPDS-TA30 ngày 22/12/2020). Bộ Tư pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có văn bản đề nghị Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ thực hiện các công việc cần thiết để thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định. Đến ngày mở phiên tòa như đã định tại thông báo gửi đương sự, Tòa án không nhận được các văn bản: Như lời khai, tài liệu, chứng cứ của đương sự ở nước ngoài và bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ngày 20/5/2021, Tòa án có văn bản đề nghị Bộ Tư pháp thông báo về kết quả thực hiện tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho ông LLL, (Công văn số 416/TATP-TGĐVNCTN). Ngày 18/6/2021 Tòa án nhận được Công văn số 1793/BTP-PLQT của Bộ Tư pháp về việc kết quả ủy thác tư pháp với nội dung " Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ không thực hiện được ủy thác tư pháp theo đề nghị của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 995/TTTPDS-TA30 ngày 22/12/2020 đối với đương sự LLL. Ngày 02/7/2021, Tòa án có Công văn số 109/TA-TB đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ thực hiện thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán theo quy định để thông báo ngày, giờ, địa điểm mở phiên họp hòa giải, phiên tòa đối với ông L; Hết thời hạn thông báo, ông LLL vẫn không liên hệ với Tòa án để giải quyết vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của bà PPP.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về vụ án: Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về địa vị tố tụng và đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về nội dung,

Kiểm sát viên phân tích yêu cầu của nguyên đơn xin ly hôn bị đơn là phù hợp và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà PPP, Hội đồng xét xử nhận thấy bà Hiền và ông LLL kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn hiện cư trú tại Hoa Kỳ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu cung cấp bản khai, thông báo ngày, giờ, địa điểm xét xử nhưng đến thời điểm xét xử Tòa án vẫn không nhận được phản hồi của bị đơn. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của bà PPP yêu cầu ly hôn ông LLL, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của bà P thì bà và ông LLL chung sống không hạnh phúc. Từ khi kết hôn cho đến nay, bà P và ông L không có quá trình chung sống lâu dài, do xa cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện nay bà và ông LLL đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà P yêu cầu ly hôn với ông LLLlà phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có một (01) con chung L G H, sinh ngày 12/10/2010; Ly hôn bà Hiền yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

[5] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Bà PPP không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà PPP ly hôn với ông LLL là phù hợp với thực tế nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà PPP phải chịu.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, điểm b Khoản 2 Điều 84, Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 5 Điều 477, khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của bà PPP.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà PPP được ly hôn với ông LLL.

Giấy chứng nhận kết hôn số 357, Quyển số 02, ngày 28/01/2010 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà PPP và ông LLL không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Giao trẻ L G H, sinh ngày 12/10/2010 cho bà PPP trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

1.3. Về mức cấp dưỡng nuôi con: Bà PPP không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Bà PPP khai không có. Tòa không xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà PPP phải chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà Hiền đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0092749 ngày 08/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

3. Bà PPP được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án. Ông LLL được quyền kháng cáo trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Bích Duyên**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Bích Duyên**